

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Hiên

2. Ông: Khoảng Văn Hặc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phìn Đại Quảng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MC tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/HNGĐ-ST ngày 05/11/2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị L; Sinh năm: 1993

Địa chỉ cư trú: Bản 36, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Hồ A V; Sinh năm: 1991

Địa chỉ cư trú: Bản 36, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi Giàng Thị L và anh Hồ A V quen biết và tìm hiểu nhau. Đến giữa năm 2010, sau khi được sự nhất trí của hai bên gia đình chúng tôi tổ chức theo phong tục tập quán mà không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tôi và anh V sống ly thân từ ngày 24/9/2021 không còn quan tâm cuộc sống của nhau, xét thấy tình cảm không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hồ A V.

- Về con: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Hồ Thị H – Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị N – Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường A – Sinh ngày 30/4/2018

hiện nay các con đang ở với anh V tại bản 36, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Tôi có nguyện vọng giao các con cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) tôi không phải cấp dưỡng các cháu.

- *Về tài sản*: Chúng tôi trong thời kỳ chung sống với nhau có những tài sản sau:

01 nhà sàn 04 gian, 01 gian bếp và đất nền nhà trị giá khoảng 50.000.000 đồng; 01 con trâu đực trị giá khoảng 23.000.000 đồng; 01 con trâu cái trị giá khoảng 27.000.000 đồng; 02 con ngựa 10 tháng tuổi tổng trị giá khoảng 40.000.000 đồng; 01 con bò cái 03 tuổi trị giá khoảng 18.000.000 đồng; 01 xe máy Honda mua từ năm 2000 trị giá 25.000.000 đồng; 01 xưởng máy làm gỗ trị giá 100.000.000 đồng. Chị L có nguyện vọng được chia đôi 01 ngôi nhà, 02 con trâu, 02 con ngựa, 01 xưởng máy và nguyện vọng được chia toàn bộ 01 con bò, 01 xe máy.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung của vợ chồng trước chị có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nhưng tại đơn xin rút một phần đơn ly hôn đề ngày 25/1/2022, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa chị không yêu cầu Tòa chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 25/1/2022 anh Hồ A V trình bày:

Về hôn nhân: Đầu năm 2010 tôi và chị Giàng Thị L quen biết và tìm hiểu nhau. Đến giữa năm 2010, sau khi được sự nhất trí của hai bên gia đình chúng tôi tổ chức theo phong tục tập quán mà không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tôi và chị L sống ly thân từ ngày 24/9/2021 không còn quan tâm cuộc sống của nhau, xét thấy tình cảm không còn, chúng tôi không có đăng ký kết hôn, tôi đề nghị Tòa án xét xử cho chúng tôi được ly hôn.

Về con: Chúng tôi có 03 con chung là cháu Hồ Thị Hằng – Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị Nga – Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường An – Sinh ngày 30/4/2018 hiện nay các con đang ở với tôi tại bản 36, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Tôi có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và chị L không phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về phần tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chúng tôi tự thảo thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại đơn đề nghị nguyện vọng của cháu Hồ Thị Hằng, cháu Hồ Thị Nga, hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng bố là anh Hồ A V, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của các cháu.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn ngày 21/01/2022 Ủy ban nhân dân xã SL xác định chị Giàng Thị L và anh Hồ A V có chung sống với nhau tại bản 36, xã SL nhưng chưa đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp. Các cháu cháu Hồ Thị H – Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị N – Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường A – Sinh ngày 30/4/2018 đều đang sinh sống với bố tại bản 36, xã SL. Anh V có thu nhập ổn định từ nghề làm mộc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng qui định của pháp luật. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị L và anh Hồ A V. Ghi nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị Giàng Thị L và anh Hồ A V: Giao các cháu Hồ Thị Hằng – Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị Nga – Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường An – Sinh ngày 30/4/2018 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Về án phí: Chị Giàng Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí đối với chị Giàng Thị L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MC theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định Chị Giàng Thị L là nguyên đơn, anh Hồ A V là bị đơn.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy việc Chị Giàng Thị L và anh Hồ A V về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn (xác nhận của UBND xã SL, huyện MC) là có thật. Đến thời điểm chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Giàng Thị L có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị L và anh Hồ A V

[4] **Về con chung:** Chị Giàng Thị L và anh Hồ A V có 03 con chung là cháu Hồ Thị H – Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị N – Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường A – Sinh ngày 30/4/2018 hiện nay các con đang ở với anh V tại bản 36, xã SL, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Anh V có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi), không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng các cháu. Chị Giàng Thị L đề nghị giao các con cho anh V chăm sóc, giáo dục không cấp dưỡng. Tại đơn đề nghị cháu Hồ Thị Hằng, cháu Hồ Thị Nga đều có nguyện vọng được ở với anh V. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay anh V đang quản lý nhà, có thu nhập ổn định và có điều kiện chăm sóc các con, nguyện vọng của con phù hợp với sự thỏa thuận của chị L và anh V. Do vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con của chị Giàng Thị L và anh Hồ A V là giao các cháu Hằng, Nga, An cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi các con chị L đề nghị không cấp dưỡng nuôi con, anh V không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con do vậy chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[5] **Về tài sản chung:**

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Giàng Thị L đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Bị đơn anh Hồ A V tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, cần được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7] **Về án phí:** Chị Giàng Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí sơ thẩm đối với chị Giàng Thị L

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Giàng Thị L và anh Hồ A V

2. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi giữa chị Giàng Thị L và anh Hồ A V như sau: Giao các cháu Hồ Thị H– Sinh ngày 07/11/2011, cháu Hồ Thị N– Sinh ngày 21/02/2014, cháu Hồ Trường A – Sinh ngày 30/4/2018 cho anh Hồ A V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị Giàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh Hồ A V (do anh Hồ A V không yêu cầu).

Chị Giàng Thị L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST đối với chị Giàng Thị L.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Giàng Thị L, Anh Hồ A V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/2/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng

